

Số: 12/2018/KDTM - ST

Ngày: 31- 10 - 2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Đẹp

2. Bà Võ Thị Bời

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2017/KDTM-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-KDTM ngày 08/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần bê tông N

Địa chỉ: Tòa nhà N, Khu đô thị T, xã H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc S - Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn H - Chức vụ: Phó giám đốc công ty. Ông H có mặt

- Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H

Địa chỉ: Tòa nhà S, đường H, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Huy H - Chức vụ: Giám đốc. Ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/06/2017, theo bản tự khai, biên bản hòa giải, và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/03/2015 giữa Công ty cổ phần bê tông N và Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H có ký kết hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm số 21/2015/HĐBT-KT. Theo hợp đồng thì Công ty cổ phần bê tông N sản xuất và cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H để thi công công trình cầu Bãi Giếng và cầu Ông Xuân, đoạn quốc lộ 1A tỉnh Khánh Hòa, thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần bê tông N đã hoàn thành hợp đồng đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Cụ thể Công ty cổ phần bê tông N đã cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H 4 đợt với số tiền là 1.829.777.500 đồng. Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H đã thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông N số tiền là 1.284.155.000 đồng. Số tiền còn lại theo biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên đã ký thì đến ngày 16/12/2015 Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H còn nợ Công ty cổ phần bê tông N số tiền là 545.622.500 đồng. Mặc dù Công ty cổ phần bê tông N đã nhiều lần đề nghị Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H thanh quyết toán số tiền còn lại, nhưng Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H vẫn không thanh quyết toán cho Công ty cổ phần bê tông N. Nay công ty cổ phần bê tông N yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Quốc tế H phải thanh toán số tiền còn lại chưa thanh toán theo biên bản đối chiếu công nợ là 545.622.500 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tạm tính đến hết ngày 31/10/2018 là 254.293.454 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu về thanh toán tiền nợ gốc. Riêng tiền lãi, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/10/2018 là 141.043.461 đồng.

* Đối với bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H không có mặt trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng quy định, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

* Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng,

do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn lần thứ hai là đúng pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 50, 300, 301, 306, 307 Luật Thương mại 2005. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H phải thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông N số tiền 545.622.500 đồng và tiền lãi chậm trả là 141.043.461 đồng. Bị đơn sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định pháp luật; tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo Điều 7 của Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm số 21/2015/HĐBT-KT ký kết giữa Công ty cổ phần bê tông N và Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H thì các bên thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang là nơi giải quyết nếu có tranh chấp xảy ra. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không có mặt. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 08/10/2018 bị đơn đã không có mặt. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 31/10/2018 bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Xét về Hợp đồng mua bán hàng hóa số 21/2015/HĐBT-KT ngày 01 tháng 3 năm 2015, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 01/03/2015 giữa Công ty cổ phần bê tông N và Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H có ký kết hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm số 21/2015/HĐBT-KT, theo hợp đồng thì nguyên đơn cung cấp bê tông thương phẩm cho bị đơn để thi công công trình cầu Bãi Giếng và cầu Ông Xuân, đoạn

Quốc lộ 1A thuộc địa bàn tỉnh Khánh Hòa (thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A). Hợp đồng được các bên tự nguyện ký kết, đúng thẩm quyền và phù hợp với Chương II - Mua bán hàng hóa của Luật Thương mại 2005, nên có hiệu lực pháp luật và có giá trị ràng buộc các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng đã giao kết, tuy nhiên bị đơn đã không thực hiện đúng hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn thiếu cũng như tiền lãi suất do chậm thanh toán là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2.2] Xét về yêu cầu tiền nợ gốc 545.622.500 đồng:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn - công ty cổ phần bê tông N đã cung cấp bê tông thương phẩm cho bị đơn công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H xây dựng công trình cầu Bãi Giếng và cầu Ông Xuân trong bốn lần với tổng số tiền hàng là 1.829.777.500 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 1.284.155.000 đồng. Theo Biên bản đối chiếu công nợ, thì tính đến ngày 16/12/2015 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hàng là 545.622.500 đồng. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán, nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Như vậy, bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng 545.622.500 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại 2005, Điều 431, 440 của Bộ luật dân sự 2015 nên hoàn toàn có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu số tiền lãi 141.043.461 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị tính tiền lãi là 254.293.454 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tiền lãi từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/10/2018 là 141.043.461 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, về thời gian tính tiền lãi, nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/10/2018 là hoàn toàn có lợi cho bị đơn và không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về mức lãi suất chậm thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 7,5%/tháng, tính lãi suất năm là 9%/năm. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại 2005, thì lãi suất do nợ quá hạn được tính bằng lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử. Nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 9%/năm là bằng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành Theo Quyết định số 2686/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định tại 306 Luật Thương mại 2005, cũng như phù hợp với Điều 3 Bộ luật dân sự

2015 và có lợi cho bị đơn, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi 141.043.461 đồng.

[2.4] Từ các phân tích các mục [2.1] đến [2.3], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 545.622.500 đồng và tiền nợ lãi là 141.043.461 đồng. Tổng cộng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 686.665.961 đồng (*Sáu trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi một đồng*).

[3] Về án phí:

[3.1] Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bị đơn, cụ thể: 31.466.638 đồng ($20.000.000 \text{ đ} + (4\% \times 286.665.961 \text{ đ} = 11.466.638 \text{ đ})$).

[3.2] Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 16.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 50, 55, 300, 301, 306 Luật Thương mại 2005, Điều 3, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông N. Buộc bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H phải thanh toán cho công ty cổ phần bê tông N số tiền nợ gốc là **545.622.500** đồng và số tiền lãi là **141.043.461** đồng. Tổng cộng là **686.665.961** đồng (*Sáu trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi một đồng*).

2. Án phí:

2.1. Công ty cổ phần đầu tư và thương mại quốc tế H phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **31.466.638** đồng.

2.2. Hoàn lại cho công ty cổ phần bê tông N số tiền **16.300.000** đồng đã tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007129 ngày 20/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo

mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS. TP Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng